

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2009/NQ-HĐND

Tân Sơn, ngày 31 tháng 12 năm 2009

## **NGHỊ QUYẾT**

**Thông qua Quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Sơn đến năm 2020  
và kế hoạch sử dụng đất đến năm 2015**

### **HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN HUYỆN TÂN SƠN KHÓA I KỲ HỌP THỨ TÁM NHIỆM KỲ 2004 – 2011**

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Luật Đất đai năm 2003;

Căn cứ Nghị định 181/2004/NĐ-CP ngày 29 tháng 10 năm 2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai;

Xét Tờ trình số: 864/TTr-UBND ngày 29 tháng 12 năm 2009 của UBND huyện Tân Sơn về việc đề nghị thông qua Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Tân Sơn,

### **QUYẾT NGHỊ:**

**Điều 1.** Tán thành và thông qua Quy hoạch sử dụng đất huyện Tân Sơn đến năm 2020.

A. Diện tích Quy hoạch các loại đất đến năm 2020 (có phụ lục đính kèm).

B. Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2015 (có phụ lục đính kèm).

**Điều 2.** Một số biện pháp chủ yếu thực hiện kế hoạch sử dụng đất của huyện Tân Sơn đến năm 2020:

1. Sau khi kế hoạch sử dụng đất của huyện được phê duyệt, cần tổ chức thực hiện các công việc sau:

- Phòng Tài nguyên - Môi trường huyện công bố kết quả lập Quy hoạch sử dụng đất theo đúng quy định tại Nghị định số 181/2004/NĐ-CP ngày 29/10/2004 của Chính phủ về thi hành Luật Đất đai; xây dựng các biện pháp cụ thể để quản lý và thực hiện quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đai; tổ chức cắm mốc xác định ranh giới

công trình, xây dựng, giao thông quan trọng và thông báo cho nhân dân địa phương biết để thực hiện.

- Rà soát các quy hoạch cấp xã, thị trấn đối chứng với phương án kế hoạch sử dụng đất cấp huyện đã được phê duyệt để điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp.

- Các phòng ban liên quan của huyện Phòng Nông nghiệp, Phòng Hạ tầng, Phòng Tài chính - Kế hoạch... Căn cứ vào phương án điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt rà soát, điều chỉnh, bổ sung kế hoạch ngành cho phù hợp với Quy hoạch sử dụng đất.

- Các phòng ban liên quan của huyện, UBND cấp xã cần phối hợp chặt chẽ trong việc triển khai thực hiện các dự án trong kỳ quy hoạch, kế hoạch đảm bảo bồi thường đúng chính sách, vận động tuyên truyền nhân dân chấp hành tốt các chủ trương của Nhà nước, của tỉnh cũng như giải quyết nhanh chóng dứt điểm các khiếu kiện của người dân trong việc bồi thường giải phóng mặt bằng tạo điều kiện dự án triển khai thực hiện nhanh chóng đúng thời gian. Thực hiện tốt các chính sách tái định cư, hướng nghiệp dạy nghề cho người dân trong vùng dự án triển khai sớm ổn định đời sống an cư.

## **2. Giải pháp về cơ chế chính sách**

- Thực hiện chính sách bồi thường thỏa đáng, kịp thời đặc biệt trong việc chuyển đất trồng lúa; đất nuôi trồng thủy sản để sử dụng vào các mục đích khác và việc di dời dân cư theo phương án quy hoạch.

- Chính sách về đầu tư: Tăng cường đầu tư vốn từ ngân sách cho nông nghiệp và nông thôn tương xứng với vị trí, yêu cầu của sự nghiệp phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới. Ngoài đầu tư Nhà nước, cần có chính sách để thu hút vốn đầu tư của các thành phần kinh tế ở trong và ngoài huyện.

- Chính sách về tín dụng: Phần lớn các hộ nông dân có mức sống trung bình do vậy ngoài các hộ có khả năng thế chấp tài sản để vay vốn cần giải quyết cho các hộ nghèo, hộ chính sách vay bằng hình thức tín chấp thông qua các tổ chức đoàn thể chính trị xã hội.

- Chính sách về thị trường tiêu thụ nông sản phẩm hàng hóa và cung ứng vật tư cho nông dân: Cần đẩy mạnh việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ nông sản đồng thời phải đổi mới công nghệ chế biến để nâng cao chất lượng hàng hóa đủ sức cạnh tranh trên thị trường. Hình thành các mạng lưới lưu thông trao đổi hàng hóa giữa nông thôn và thành thị, hình thành các tụ điểm thương mại dịch vụ ở nông thôn.

- Chính sách đầu tư đồng bộ trong việc kết hợp giữa giao thông, thủy lợi và bố trí khu dân cư.

- Chính sách ưu tiên dành đất cho những nhu cầu bắt buộc hoặc có ý nghĩa lớn trong phát triển kinh tế xã hội tỉnh như: Các khu an ninh quốc phòng, khu du lịch Vườn Quốc gia Xuân Sơn...

- Chính sách về thuế, tiền thu sử dụng đất để vừa khuyến khích sử dụng đúng mục đích, tiết kiệm đất, vừa tăng cường được đầu tư đối với các thành phần kinh tế trong đó quan tâm kinh tế hợp tác xã; kinh tế trang trại và kinh tế hộ gia đình.

- Chính sách cho phát triển ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong sử dụng đất và trong công tác địa chính.

### **3. Giải pháp về vốn đầu tư**

Huy động các nguồn vốn đầu tư là một trong những giải pháp quan trọng có tác động trực tiếp đến tăng trưởng kinh tế. Các nguồn vốn đầu tư có thể huy động bao gồm: Vốn ngân sách Nhà nước, vốn tín dụng, vốn chương trình 135 và nguồn vốn trong dân. Ưu tiên nguồn vốn cho xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng của trung tâm huyện lỵ Tân Sơn, khu du lịch Vườn Quốc gia Xuân Sơn, Thị trấn Thu Cúc và các chương trình đề án 30a/2008/NQ-CP của Chính phủ đã được phê duyệt.

Tạo cơ chế chính sách thuận lợi nhằm khuyến khích các nhà đầu tư vào địa bàn huyện đặc biệt trong lĩnh vực du lịch, công nghiệp chế biến khoáng sản, công nghiệp nhẹ và tiểu thủ công nghiệp.

### **4. Giải pháp về nguồn nhân lực**

Nâng cao chất lượng toàn diện về dân số và lao động trước hết là thể lực con người, quan tâm sức khỏe cộng đồng, giảm nhanh tình trạng suy dinh dưỡng trẻ em. Nâng cao trí tuệ nguồn nhân lực trên cơ sở nâng cao trình độ học vấn, có chính sách hỗ trợ đào tạo nhân tài; nâng cao kiến thức; trình độ kỹ thuật và tay nghề cho người lao động.

Tập trung bồi dưỡng và nâng cao năng lực quản lý, kỹ thuật, chuyên môn cho đội ngũ cán bộ nhất là cán bộ cơ sở, động viên và thực hiện tốt các chính sách khuyến khích trí thức trẻ về công tác về công tác tại cơ sở.

Phát triển mở rộng đào tạo nghề ở khu vực nông thôn, tạo công ăn việc làm tại chỗ, chú trọng hình thức truyền nghề cho gia đình; có chính sách hỗ trợ việc học nghề và nâng cao trình độ nghề nghiệp đối với lao động nghèo.

### **5. Các giải pháp tăng cường công tác quản lý Nhà nước về đất đai**

Tiếp tục củng cố và tăng cường công tác quản lý nhà nước về đất đai ở các cấp, chú trọng đến bộ máy và năng lực chuyên môn quản lý của cấp huyện và cấp xã;

Tập trung cải cách hành chính trong lĩnh vực đất đai, tăng cường tuyên truyền phổ biến giáo dục pháp luật về đất đai, giải quyết nhanh chóng các thủ tục về đất đai có liên quan đến các lĩnh vực đầu tư.

Thường xuyên hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện quy luật ở các cấp, xử lý chấn chỉnh kịp thời các cá nhân và tổ chức vi phạm luật đất đai. Hàng năm tổ chức đánh giá việc thực hiện các chỉ tiêu quy hoạch, phát hiện đề xuất điều chỉnh bổ sung những vấn đề nảy sinh trong quá trình thực hiện.

### **6. Giải pháp về bảo vệ môi trường**

Bảo vệ nghiêm ngặt rừng đầu nguồn, khu vực rừng có độ dốc trên 25<sup>0</sup>, nâng cao độ che phủ của rừng; bố trí các khu xử lý, chôn lấp chất thải phù hợp; tăng cường giáo dục, nâng cao nhận thức bảo vệ môi trường cho mọi tổ chức, cá nhân và cộng đồng trong huyện.

Tranh thủ sự giúp đỡ của Tỉnh và Trung ương để thực hiện các biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường; thường xuyên thực hiện quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường trên địa bàn huyện để kiểm tra mức độ ô nhiễm về tài nguyên đất, nước, không khí và có biện pháp xử lý, khắc phục ô nhiễm kịp thời; các dự án đầu tư mới đều phải thực hiện đánh giá tác động môi trường; thường xuyên kiểm tra đôn đốc các cơ sở sản xuất, kinh doanh, dịch vụ chấp hành các quy định pháp luật về môi trường, kiên quyết xử lý các cơ sở gây ô nhiễm, khuyến cáo nhân dân không sử dụng các hóa chất độc hại gây ô nhiễm môi trường, có kế hoạch bảo vệ môi trường đối với những khu vực có nguy cơ ô nhiễm cao.

### **7. Giải pháp về khoa học công nghệ**

Thực hiện cơ chế ưu đãi đầu tư cho nghiên cứu, triển khai ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật mới việc đầu tư ưu đãi khuyến khích ứng dụng các tiến bộ khoa học công nghệ mới cần được thực hiện thông qua các dự án chuyển giao tiến bộ khoa học kỹ thuật.

Tăng cường công tác nghiên cứu khoa học, ứng dụng các nghiên cứu khoa học chế biến nông - lâm sản để nâng cao năng xuất, chất lượng. Đẩy mạnh việc chuyển giao kỹ thuật đến người dân bằng nhiều hình thức, nhân rộng các mô hình sản xuất có hiệu quả trên địa bàn.

**Điều 3.** Giao trách nhiệm cho Ủy ban nhân dân huyện hoàn chỉnh báo cáo Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của huyện Tân Sơn trình UBND tỉnh Phú Thọ phê duyệt theo đúng quy định.

Giao UBND huyện báo cáo việc thực hiện Quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất hàng năm với HĐND huyện.

Giao thường trực HĐND và đại biểu HĐND huyện giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân huyện khóa I kỳ họp thứ tám nhiệm kỳ 2004 - 2011 thông qua ngày 31 tháng 12 năm 2009 và có hiệu lực sau 07 ngày kể từ ngày HĐND huyện thông qua.

**TM. THƯỜNG TRỰC HĐND  
CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Xuân Thịnh (Đã ký)**

**PHỤ LỤC**  
**(ĐÍNH KÈM NGHỊ QUYẾT SỐ 09/2009/NQ-HĐND**  
**NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2009 CỦA HĐND HUYỆN TÂN SƠN)**

**A. Diện tích Quy hoạch các loại đất đến năm 2020.**

**1. Tổng diện tích tự nhiên: 68 858,00 ha.**

**1.1. Đất Nông nghiệp:** 64468,53 ha, chiếm 93,63 % tổng diện tích tự nhiên; trong đó:

- Đất trồng lúa: 2420,30 ha, chiếm 3,52% tổng diện tích đất tự nhiên; (Trong đó: Đất lúa nước: 2379,80 ha, Đất lúa nương: 40,50 ha)

- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 176,67 ha, chiếm 0,25% diện tích đất tự nhiên;

- Đất trồng cây lâu năm: 5667,63 ha, chiếm 8,23% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất rừng phòng hộ: 8283,74 ha, chiếm 12,03% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất rừng đặc dụng: 14762,47 ha chiếm 21,58% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất rừng sản xuất: 33081,47 ha, chiếm 48,04% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất nuôi trồng thủy sản: 75,90 ha, chiếm 0,11% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất nông nghiệp khác: 0,35 ha.

**1.2. Đất phi nông nghiệp:** 3334,90 ha, chiếm 5,11% tổng diện tích tự nhiên; trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp: 30,62ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất quốc phòng: 24,29 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất an ninh: 2,55 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp.

- Đất xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại: 15,50 ha, chiếm 0,02% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất khu công nghiệp: 135,64 ha, chiếm 0,20% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 133,98 ha, chiếm 0,19% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất sản xuất vật liệu gốm sứ: 2,41 ha;

- Đất hoạt động khoáng sản: 636,20 ha,

- Đất tôn giáo tín ngưỡng: 0,28 ha,

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 125,58 ha, chiếm 0,18% diện tích đất tự nhiên;

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 591,89 ha, chiếm 0,86% diện tích đất tự nhiên;

- Đất phát triển hạ tầng: 1635,96 ha, chiếm 2,38% tổng diện tích đất tự nhiên;

**1.3. Đất ở đô thị:** Tổng diện tích 150,82 ha, chiếm 0,22% diện tích đất tự nhiên.

**1.4. Đất khu dân cư nông thôn:** Tổng diện tích 554,40 ha, chiếm 0,81% tổng diện tích tự nhiên.

## **2. Diện tích chuyển mục đích phải xin phép trong kỳ quy hoạch.**

### **2.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**

Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp trong giai đoạn quy hoạch là 1805,95 ha, trong đó:

- a) Đất lúa nước: 145,56 ha.
- b) Đất trồng cây hàng năm còn lại: 145,56 ha.
- c) Đất trồng cây lâu năm: 241,67 ha.
- d) Đất rừng phòng hộ: 2,15 ha.
- e) Đất rừng đặc dụng: 15,71 ha.
- g) Đất rừng sản xuất: 1308,07 ha.
- h) Đất nuôi trồng thủy sản: 5,49 ha.

### **2.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**

Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng: 3321,55 ha.

## **3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ quy hoạch**

3.1. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích nông nghiệp:

- a) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích trồng cây lâu năm: 90,3 ha.
- b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích trồng rừng đặc dụng 5330,97 ha, rừng sản xuất: 2950,00 ha.

3.2. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích phi nông nghiệp:

- a) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại: 1,0 ha.
- b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích hoạt động khoáng sản: 15,00 ha.
- c) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích phát triển hạ tầng: 18,04 ha.

3.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích đất đô thị: 0,40 ha.

3.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích đất khu dân cư nông thôn: 12,32 ha.

## **B. Kế hoạch sử dụng đất đến năm 2015**

### **1. Tổng diện tích tự nhiên: 68 858,00 ha.**

**1.1. Đất nông nghiệp:** 62448,57 ha, chiếm 90,69% tổng diện tích tự nhiên; Trong đó:

- Đất trồng lúa: 2391,67 ha (Đất lúa nước: 2351,17 ha, Đất lúa nương: 40,50 ha).

- Đất trồng cây hàng năm còn lại: 191,59 ha, chiếm 0,3% diện tích đất tự nhiên;

- Đất trồng cây lâu năm: 5344,91 ha, chiếm 7,76% diện tích đất tự nhiên;

- Đất rừng phòng hộ: 11458,89 ha, chiếm 16,64 diện tích đất tự nhiên;

- Đất rừng đặc dụng: 13200,49 ha, chiếm 13,80% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất rừng sản xuất: 29785,54 ha, chiếm 43,26% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất nuôi trồng thủy sản: 75,13 ha, chiếm 0,11% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất nông nghiệp khác: 0,35 ha.

**1.2. Đất phi nông nghiệp:** 2648,99 ha, chiếm 3,85% tổng diện tích tự nhiên; trong đó:

- Đất xây dựng trụ sở cơ quan công trình sự nghiệp: 25,62 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất quốc phòng: 24,29 ha, chiếm 0,04% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất an ninh: 2,55 ha, chiếm 0,07% diện tích đất phi nông nghiệp

- Đất xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại: 7,50 ha, chiếm 0,01% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất khu công nghiệp: 135,64 ha, chiếm 0,20% tổng diện tích đất tự nhiên;

- Đất cơ sở sản xuất kinh doanh: 42,43 ha, chiếm 0,06% diện tích đất tự nhiên

- Đất sản xuất vật liệu gốm sứ: 2,41 ha;

- Đất hoạt động khoáng sản: 77,93 ha,

- Đất tôn giáo tín ngưỡng: 0,28 ha,

- Đất nghĩa trang, nghĩa địa: 125,46 ha, chiếm 0,18% diện tích đất tự nhiên;

- Đất có mặt nước chuyên dùng: 626,69 ha, chiếm 0,91% diện tích đất tự nhiên

- Đất phát triển hạ tầng: 1578,19 ha, chiếm 2,3% tổng diện tích đất tự nhiên;

**1.3. Đất ở đô thị:** 135,08 ha, chiếm 0,20% diện tích tự nhiên.

**1.4. Đất khu dân cư nông thôn:** 516,92 ha, chiếm 0,75% tổng diện tích tự nhiên.

## **2. Diện tích chuyển mục đích phải xin phép trong kỳ kế hoạch.**

### **2.1. Đất nông nghiệp chuyển sang đất phi nông nghiệp**

Diện tích đất nông nghiệp chuyển sang mục đích phi nông nghiệp trong giai đoạn quy hoạch là 1062,93 ha, trong đó:

- a) Đất lúa nước: 110,50 ha.
- b) Đất trồng cây hàng năm còn lại: 83,30 ha.
- c) Đất trồng cây lâu năm: 182,89 ha.
- d) Đất rừng phòng hộ: 0,8 ha.
- đ) Đất rừng đặc dụng: 15,71 ha.
- e) Đất rừng sản xuất: 663,97 ha.
- g) Đất nuôi trồng thủy sản: 5,76 ha.

### **2.2. Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp**

Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng: 2694,25 ha.

## **3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng trong kỳ kế hoạch**

3.1. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích nông nghiệp:

- a) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích trồng cây lâu năm: 65,8 ha.
- b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích trồng rừng đặc dụng diện tích 4120,0 ha, rừng sản xuất: 1520,00 ha.

3.2. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích phi nông nghiệp:

- a) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích xử lý, chôn lấp chất thải nguy hại: 1,0 ha.
- b) Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích phát triển hạ tầng: 17,11 ha.

3.3. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích đất đô thị: 0,18 ha.

3.4. Diện tích đất chưa sử dụng đưa vào sử dụng mục đích đất khu dân cư nông thôn: 8,56 ha.